

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2024
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Thu Thủy và ông Trần Hoàng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Uyên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 663/2024/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-11-2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 147/xx đường Yên N, khu phố 5, phường Mỹ H, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Võ Thành C, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 13/39 đường Trần Đại N, khu phố 4, phường Mỹ Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Thành C chung sống với nhau vào năm 1997, không tổ chức cưới hỏi và không đăng ký kết hôn. Bà và ông C chung sống tại khu phố 5, phường Mỹ Đ, thành phố P. Cuộc sống chung không hạnh phúc do không cùng quan điểm sống và tính cách nên cuối năm 2000 mỗi người đều sống riêng, không còn gặp gỡ.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung gồm Võ Trần Khắc T, sinh

năm 1997; Võ Trần Kim T1, sinh năm 2000. Các con chung đều đã trưởng thành và đã có cuộc sống riêng.

Cả bà và ông C đều có gia đình và cuộc sống riêng, không còn ràng buộc gì nhau nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản khai và tại phiên toà ông Võ Thành C trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2000 thì xảy ra mâu thuẫn do quan điểm không hoà hợp. Nay bà H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng của ông bà thì ông đồng ý. Vì ông và bà H cũng không thể chung sống với nhau được nữa.

Về con chung: các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Võ Thành C. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại phường Mỹ Đ, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Thành C chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông C cũng thừa nhận việc sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn với bà H.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ giữa bà H và ông C không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng vì vậy Tòa án không công nhận bà H và ông C là vợ chồng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Võ Trần Khắc T, sinh năm 1997; Võ Trần Kim T1, sinh năm 2000. Các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Võ Thành C là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0003312 ngày 23-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Vân